

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
THÀNH PHỐ H**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **168/2022/HNGĐ- ST**

Ngày: 29/9/2022

V/v Tranh chấp ly hôn;

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Duy T
- Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đức và bà Nguyễn Thị Hoa.
- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu – Thẩm tra viên chính Toà án nhân dân huyện Q;
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 112/2022/TLST-HNGĐ, ngày 21/6/2022 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Q, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Vương Thị Thu T**, sinh năm 1991, HKTT và nơi ở: Xóm 9, thôn V, xã N, huyện Q, thành phố H. (Có mặt).
- Bị đơn: Anh **Lê Hữu Y**, sinh năm 1988, HKTT và nơi ở: Xóm 9, thôn V, xã N, huyện Q, thành phố H. (Vắng Mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Về phía nguyên đơn:* Trong đơn khởi kiện ngày 12/4/2022, bản tự khai, biên bản công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa, chị T trình bày: Tôi kết hôn với anh Lê Hữu Y năm 2013, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Q ngày 11/02/2013.

Sau kết hôn hai vợ chồng chung sống cùng gia đình nhà chồng tại thôn V, xã N và ở chung cho đến nay. Quá trình ở chung cùng gia đình nhà chồng không phát triển được tài sản gì lớn mà chỉ đủ ăn. Nghề nghiệp vợ chồng: Anh Y làm thư viện

trường tiểu học Đ, xã Đ, huyện Q; tôi trước đây làm nghề tự do, hiện tại làm chuyên viên quản lý tài sản (Công ty CP XNK T).

Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc cho đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do chồng tôi mãi chơi không quan tâm đến gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung, làm ăn không hề bàn bạc gì với tôi và gia đình, khi vỡ nợ ra thì cả nhà không ai hay biết dẫn đến vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn (từ tình cảm đến kinh tế). Tôi và gia đình nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh Y không thay đổi. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án sớm giải quyết cho vợ chồng ly hôn để ổn định cuộc sống và nuôi con. Xin không hòa giải nhiều lần. Thu nhập của tôi khoảng 6 – 7 triệu đồng (Làm Công ty).

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Hữu Khôi N, sinh năm 2014 và cháu Lê Hữu Thịnh P, sinh năm 2018. Ly hôn tôi có nguyện vọng nuôi cháu Lê Hữu Thịnh P, cháu lớn Lê Hữu Khôi N sẽ ở với anh Y và không yêu cầu góp phí tồn nuôi con. Trường hợp anh Y xin nuôi cả 02 con tôi không nhất trí.

Về tài sản chung, công sức và nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về án phí: Tôi xin nộp án phí theo quy định của pháp luật.

**Bị đơn trình bày:* Trong bản tự khai, biên bản công khai chứng cứ, hòa giải anh Y trình bày: Tôi kết hôn cùng với cô Vương Thị Thu T vào năm 2013, trên cơ sở tự nguyện, có sự tìm hiểu, kết hôn không bị ép buộc và kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã N.

Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2021, do công việc làm ăn của tôi có khó khăn, không thuận lợi dẫn đến, hai vợ chồng thỉnh thoảng có xảy ra mâu thuẫn, đến tháng 3/2022 cô T bỏ về nhà mẹ đẻ ở và vợ chồng ly thân từ đó. Sau đó cô T có làm đơn xin ra tòa ly hôn. Quan điểm của tôi là không đồng ý ly hôn. Lý do, tôi vẫn còn tình cảm với vợ và mong muốn cô T quay về để cùng xây dựng lại cuộc sống gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Hữu Khôi N, sinh ngày 5/10/2014 và cháu Lê Hữu Thịnh P, sinh ngày 01/12/2018. Hiện nay cháu Khôi N đang ở với tôi, cháu Thịnh P đang ở với mẹ. Trường hợp cô T cương quyết xin ly hôn thì tôi xin nuôi cả 02 con và không đề nghị cô T góp phí tồn nuôi con.

Về tài sản chung, công sức và nợ chung vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của tôi là không muốn ly hôn, nên đề nghị Tòa cho tôi hòa giải để gia đình được đoàn tụ.

Tại phiên kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hòa giải lần thứ nhất vào ngày 21/7/2022, lần 2 ngày 22/8/2022 chị T đều có mặt và đều giữ nguyên quan điểm như đề nghị; anh Y có mặt lần 1 và xin được đoàn tụ, lần 2 anh Y vắng mặt không lý do.

Tại Biên bản làm việc ngày 22/8/2022, giữa Tòa án và ông Lê Văn K và bà Bùi Thị C (là bố, mẹ đẻ của anh Lê Hữu Y) trình bày: Anh Y và chị T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Q, thành phố H. Sau cưới khoảng 6 năm, anh Y, chị T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Y ham mê làm ăn rồi vay nợ, sau đó làm ăn thua lỗ nên anh, chị em đến đòi nợ, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, thậm chí cãi cọ nhau trước mặt chúng tôi. Vợ chồng tôi đã can ngăn, hòa giải rất nhiều lần nhưng do anh Y không thay đổi nên chị T đã mang con bỏ về nhà mẹ đẻ ở xã Hòa Thạch, huyện Q, thành phố H từ tháng 3/2022 cho đến nay. Nay chị T làm đơn xin ly hôn anh Y, chúng tôi đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ. Trường hợp anh Y không thay đổi thì đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Biên bản xác minh ngày 22/8/2022, Ủy ban nhân dân xã N, huyện Q, thành phố H, phản ánh: Anh Y và chị T có đăng ký kết hôn ở UBND xã N, huyện Q, thành phố H. Trong quá trình chung sống, anh Y và chị T có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do đầu địa phương cũng không nắm được. Nay chị T làm đơn ly hôn thì đề nghị Tòa hòa giải để vợ chồng được đoàn tụ. Trường hợp chị T kiên quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, có mặt chị T, vắng mặt anh Y (không lý do) nên không tiến hành hòa giải theo quy định của pháp luật. Về phía chị T vẫn giữ nguyên quan điểm như trên.

**Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có quan điểm:*

Về Tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật TTDS trong quá trình giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình. Thẩm phán đã thực hiện việc thụ lý vụ kiện đúng thẩm quyền, tiến hành cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự

và Viện Kiểm sát theo quy định tại Điều 195, 196 BLTTDS, xác định tư cách của người tham gia tố tụng đầy đủ theo Điều 68 BL TTDS, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp đúng, tiến hành thu thập các tài liệu chứng cứ, lấy lời khai của nguyên đơn và bị đơn, tiến hành xác minh thu thập chứng cứ và các tài liệu khác làm căn cứ giải quyết vụ án. Thời hạn gửi hồ sơ cho VKS để nghiên cứu tham gia phiên tòa theo đúng quy định tại Điều 220 BLTTDS.

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án;

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật TTDS.

Về quan điểm về nội vụ án: Qua lời trình bày và quan điểm của chị T, lời khai và trình bày của anh Y trong quá trình thu thập chứng cứ và hòa giải lần 1 cũng như diễn biến nội dung vụ án được công khai, tranh luận tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 39; Điều 144; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 58, Điều 81; Điều 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình. Đề nghị xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh Y.

2.Về con chung: Anh, chị có 02 con chung là Lê Hữu Khôi N, sinh ngày 5/10/2014 và Lê Hữu Thịnh P, sinh ngày 01/12/2018. Giao con Lê Hữu Khôi N cho anh Y, giao con Lê Hữu Thịnh P cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác. Chị T, anh Y có quyền đi lại, thăm hỏi và chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn: Không đặt ra giải quyết,

4.Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định; chị T, anh Y có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Bị đơn Anh Lê Hữu Y, sinh năm 1988; HKTT và nơi ở: Xóm 9, thôn V, xã N, huyện Q, thành phố H nên việc chị T có đơn xin ly hôn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Q giải quyết việc ly hôn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án giao, gửi và tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, có mặt chị T, vắng mặt anh Y lần 2 không lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Y, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có sự tìm hiểu, kết hôn không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Q ngày 11/12/2013, đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống theo chị T, nguyên nhân chính là do thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên bất đồng về lối sống và tính cách, một mặt xuất phát từ yếu tố kinh tế, việc anh Y làm ăn thua lỗ, nợ nần nhiều, không dành sự quan tâm đến gia đình, trong gia đình thường xuyên có mâu thuẫn bất đồng quan điểm, dẫn đến có cả xô xát. Chị T cho rằng tình cảm của vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy chị cương quyết xin được ly hôn. Về phía anh Y, cũng thừa nhận do công việc làm ăn có khó khăn, không thuận lợi dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, có bất đồng về lối sống và tính cách, nhưng anh xét thấy vẫn còn tình cảm với cô T, có mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung. Đại diện gia đình anh Y cũng xác nhận về nguyên nhân mâu thuẫn của anh Y và chị T và cũng mong muốn vợ chồng anh, chị đoàn tụ. Trường hợp chị T kiên quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa chị T và anh Y là trầm trọng, vợ chồng không còn hạnh phúc, đã ly thân từ tháng 03/2022 cho đến nay; về tình cảm do không có tiếng nói chung, không còn tin tưởng lẫn nhau. Tuy anh Y có mong muốn đoàn tụ nhưng không đưa ra được giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, không thể hiện thiện chí hòa giải, Tòa đã triệu tập nhiều lần nhưng anh không có mặt, không nêu rõ lý do và cũng không cung cấp thêm nội dung gì khác; đại diện gia đình anh Y cho rằng hòa giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Do vậy, xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh Y là trầm trọng, vợ chồng không còn hạnh phúc, không

có tiếng nói chung, không còn tôn trọng và không còn tin tưởng nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T và cần xử cho chị T được ly hôn anh Y là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Hữu Khôi N, sinh ngày 5/10/2014 và cháu Lê Hữu Thịnh P, sinh ngày 01/12/2018. Hiện cháu Nguyên ở với anh Y, cháu P ở với chị T. Ly hôn chị T xin được giữ nguyên nuôi con như hiện trạng (do cháu P còn nhỏ cần sự chăm sóc của chị); anh Y xin được nuôi cả hai con và hai bên đều không đề nghị góp phí tổn nuôi con cho nhau. Quan điểm của cháu N nếu bố mẹ ly hôn thì xin được ở với anh Y. Căn cứ vào mức thu nhập, tình hình thực tế của các bên và nguyện vọng của con chung, để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của con chung và vợ, chồng sau khi ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Cần giữ nguyên hiện trạng nuôi con như hiện nay, cụ thể: Giao con Lê Hữu Khôi N cho anh Y, giao con Lê Hữu Thịnh P cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác. Chị T, anh Y có quyền đi lại, thăm hỏi và chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Vấn đề góp phí tổn nuôi con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ góp phí tổn nuôi con cho anh Y, chị T cho đến khi có yêu cầu hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung của vợ chồng: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về án phí: Chị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; các bên đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Vương Thị Thu T đối với anh Lê Hữu Y;

1. Về hôn nhân: Chị Vương Thị Thu T được ly hôn anh Lê Hữu Y;

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Hữu Khôi N, sinh ngày 5/10/2014 và Lê Hữu Thịnh P, sinh ngày 01/12/2018. Giao con Lê Hữu Khôi N cho anh Y, giao con Lê Hữu Thịnh P cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác. Chị T, anh Y có quyền đi lại, thăm hỏi và chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. Về góp phí tồn nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ góp phí tồn nuôi con cho anh Y, chị T cho đến khi có yêu cầu hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác.

4. Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị T tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số: 0000313 ngày 14/6/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Q, thành phố H.

6. Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Y có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố H;
- VKS ND huyện Q;
- THA DS huyện Q;
- UBND xã N, huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Duy T